

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ-PT**  
Ngày 30-3-2021  
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
nợ chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Hùng.  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồng Thái;  
Bà Trần Thị Thiên Hương;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:** Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2020/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 68/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 03/2021/QĐ-PT ngày 18/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Trần Thị Kim N, sinh năm 1991; (vắng mặt)  
Địa chỉ: tổ 5, khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện L, tỉnh T.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Huy H, sinh năm: 1986; (có mặt)  
Địa chỉ: thôn 2, xã Đức Phú, huyện L, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Võ Thị Th, sinh năm 1977; (có mặt)
- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; (có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã Đức Phú, huyện L, tỉnh T.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Huy H, là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### **Nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim N với anh Nguyễn Huy H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân; vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Phú năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thường xảy ra bất đồng, mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp với nhau. Hiện tại chị N và anh H đã ly thân, không còn chung sống với nhau, chị N đưa các con chung về nhà cha mẹ ở thị trấn Đức Tài sinh sống còn anh H ở thôn 2, xã Đức Phú. Chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị N và anh H có 02 người con chung tên Nguyễn Huy Hoàng G, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2017 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2019, các con chung đang ở với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị N số tiền 2.000.000 đồng/tháng/người con cho đến khi các con chung thành niên.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Việc anh H vay mượn tiền của chị Th thì chị N không biết, không tham gia vì lúc đó chị N chưa kết hôn và chung sống với anh H. Khi về chung sống với nhau rồi thì anh H cũng không nói gì với chị N về các khoản nợ này. Chỉ đến khoảng năm 2017, chị Th mới đến gặp vợ chồng chị N, nói rằng trước đây anh H có vay tiền của chị Th, đã trả được một phần, đến nay còn lại 9.000.000 đồng chưa trả. Chị Th yêu cầu vợ chồng chị N trả và cho trả dưới hình thức góp mỗi ngày 100.000 đồng. Lúc này, chị N đang là người quản lý tài chính trong gia đình nên chị N thống nhất mỗi ngày góp trả cho chị Th 100.000 đồng. Thực hiện cam kết thì từ ngày 09/8/2017 đến 20/10/2017, vợ chồng chị N góp trả được cho chị Th tổng cộng là 2.200.000 đồng theo giấy mà chị N đã cung cấp cho Tòa án. Sau đó, mẹ chồng chị N lấy lại nhà cửa, xe cộ bán để trả nợ nên vợ chồng chị N phải đưa nhau về huyện L làm ăn nên không tiếp tục góp cho chị Th cho đến nay. Hiện nay, số nợ chỉ còn thiếu lại chị Th là 6.800.000 đồng. Với số tiền còn thiếu này thì chị N xác định là nợ riêng của anh H, không liên quan đến nghĩa vụ của chị N nên anh H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Th.

**Bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H với chị N kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Phú, huyện L. Trong thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ vài tháng nay, đã không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay anh H nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị N chứ không có ý kiến gì.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H và chị N có 02 người con chung là Nguyễn Huy Hoàng G, sinh năm 2017 và Nguyễn Gia H, sinh năm 2019, hiện nay hai cháu đang ở với chị N. Khi ly hôn, anh H đồng ý giao cho chị N tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nhưng chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị N số tiền 1.000.000 đồng/tháng/02 người con bởi vì hiện tại, anh H chưa có việc làm và thu nhập ổn định.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Huy H không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Vào ngày 26/3/2015 anh H có vay của chị Th số tiền 10.500.000 đồng, có viết giấy vay tiền cho chị Th và hai bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất và thời hạn trả. Sau khi vay, anh H cũng đã trả dưới hình thức góp hàng ngày vừa gốc vừa lãi, ngoài ra còn có chị N trả góp nữa nên anh H không rõ hiện nay còn nợ chị Th bao nhiêu tiền. Quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm, chị N có cung cấp cho Tòa án 01 tài liệu thể hiện việc trả nợ đối với số tiền 10.500.000 đồng. Đến ngày 05/8/2015, anh H tiếp tục vay của chị Th số tiền 30.000.000 đồng, có viết giấy nợ cho chị Th. Hai bên không thỏa thuận cụ thể lãi suất và thời hạn trả, vì hai bên là thân quen với nhau. Sau khi vay, anh H đã trả góp hàng ngày cho chị Th, tính đến nay đã góp đủ nhưng quá trình góp chỉ đưa tiền thực tế chứ không có sổ sách gì theo dõi.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Vợ chồng chị Võ Thị Th, anh Nguyễn Thanh T yêu cầu buộc vợ chồng anh Nguyễn Huy H, chị Trần Thị Kim N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Th số tiền gốc đã vay là 39.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì vào ngày 26/3/2015, anh H vay của vợ chồng chị Th số tiền 10.500.000 đồng, anh H viết giấy nhận nợ nhưng hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả vì chỗ quen biết nhau. Đến ngày 05/8/2015, anh H tiếp tục vay của vợ chồng chị Th số tiền 30.000.000 đồng, anh H cũng viết giấy nhận nợ; lần này hai bên cũng không thỏa thuận lãi và thời hạn trả, anh H nói cho mượn để làm xe khách, chạy có tiền sẽ trả. Sau đó nhiều lần vợ chồng chị Th yêu cầu trả tiền nhưng anh H, chị N chỉ góp trả được cho chị Th 600.000 đồng, còn lại 39.900.000 đồng đến nay không trả. Vợ chồng chị Th, anh T xác định thời điểm vay mượn tiền, anh H chưa kết hôn với chị N nhưng sau đó, khi vợ chồng chị Th nhiều lần đòi nợ thì chị N và anh H có cùng nhau hứa hẹn sẽ trả số tiền nợ này nên vợ chồng chị Th xác định hiện tại chị N biết

và đồng ý cùng anh H trả nợ nên yêu cầu cả anh H và chị N phải liên đới trả tiền đã vay mượn cho vợ chồng chị Th.

***Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ Thsố 68/2020/HNGĐ-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định:***

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 45, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Huy H.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Trần Thị Kim N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên Nguyễn Huy Hoàng G, sinh năm 2017 và Nguyễn Gia H, sinh năm 2019. Anh Nguyễn Huy H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N số tiền 1.500.000 đồng/tháng/người con cho đến khi cháu G và cháu H thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T. Buộc anh Nguyễn Huy H phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng chị Th, anh T số tiền gốc đã vay là 39.900.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T về việc buộc chị Trần Thị Kim N phải có nghĩa vụ liên đới với anh H trả nợ cho vợ chồng chị Th, anh T.

Kể từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và trách nhiệm thi hành án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

Ngày 24/11/2020, bị đơn là anh Nguyễn Huy H kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nợ chung. Anh H đề nghị xem xét giải quyết lại đối với yêu cầu của chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T về việc đòi số tiền 30.000.000 đồng trong số

tiền 39.900.000 đồng, vì anh H đã trả số tiền 30.000.000 đồng cho chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa:

+ Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu độc lập.

+ Anh Nguyễn Huy H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh Nguyễn Huy H kháng cáo một phần bản án đối với số tiền 30.000.000 đồng. Anh H cho rằng đã trả cho chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T số tiền 30.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T không thừa nhận anh H đã trả số tiền 30.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án sơ thẩm buộc anh Nguyễn Huy H phải trả cho chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T số tiền 39.900.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Huy H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Anh Nguyễn Huy H kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Huy H:

Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T trình bày vào năm 2015 có cho anh Nguyễn Huy H vay 02 lần với tổng số tiền 40.500.000 đồng. Anh Nguyễn Huy H thừa nhận năm 2015 có vay của chị Võ Thị Th 02 lần với tổng số tiền 40.500.000 đồng. Như vậy, việc anh Nguyễn Huy H đã vay của chị Võ Thị Th 02 lần với tổng số tiền 40.500.000 đồng là có thật.

Anh Nguyễn Huy H cho rằng đã trả hết số tiền 30.000.000 đồng của lần vay ngày 05/8/2015 nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T cũng không thừa nhận anh H đã trả số tiền 30.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.500.000 đồng, chị Th và anh T chỉ thừa nhận anh H đã trả 600.000 đồng, còn nợ lại 9.900.000 đồng, anh H cũng thừa nhận còn nợ 9.900.000 đồng và không kháng cáo số tiền này. Vì vậy có cơ sở xác định anh Nguyễn Huy H còn nợ chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T số tiền 39.900.000 đồng.

Tại thời điểm vay tiền, anh Nguyễn Huy H và chị Trần Thị Kim N chưa kết hôn. Chị Trần Thị Kim N cũng không thừa nhận số tiền anh H vay là nợ chung. Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh H vay tiền để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình anh H và chị N nên không có cơ sở xác định nghĩa vụ liên đới của chị Trần Thị Kim N trong việc trả nợ. Vì vậy bản án sơ thẩm buộc anh Nguyễn Huy H phải trả cho chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T số tiền 39.900.000 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Huy H là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

[3] Về lãi suất chậm thi hành án: Chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T trình bày việc cho vay không tính lãi, và không yêu cầu giải quyết về lãi. Vì vậy Bản án sơ thẩm tuyên kể từ ngày 01/10/2020 (là ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên cần điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Huy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Huy H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 68/2020/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Áp dụng: Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án.

Tuyên xử:

1. Về nợ:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T. Buộc anh Nguyễn Huy H phải trả cho vợ chồng chị Võ Thị Th và anh Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc là 39.900.000 đồng (Ba mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Nguyễn Huy H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004443 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, như vậy anh Nguyễn Huy H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 3 năm 2021).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh T;
- TAND huyện L;
- Chi Cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THPHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Vũ Đức Hùng**

5.